

Bản án số: 42/2022/HS-PT
Ngày: 26-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2022/HSPT ngày 07 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Điều P.

Do có kháng cáo của bị cáo Điều P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Điều P, sinh năm 1979 tại Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 07, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Xtiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều M và bà Thị L (đã chết); bị cáo có vợ Thị P và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại nhưng người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên không được Tòa án triệu tập.

NỘI D V U ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/4/2021, sau khi uống rượu xong tại nhà Điều K tại tổ 2, ấp 03, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước xong, K rủ Điều D, Điều P, Nguyễn Văn C đi đến nhà chị Nguyễn Thị D tại xã T, huyện H để chơi bida. Đến khoảng 15h00 cùng ngày do có việc nên Điều D không chơi nữa mà đi về.

Thấy vậy, C đưa 100.000đ cho Điều D để nhờ D mua thêm đồ nhậu. Sau khi mua xong D quay lại quán bi da để lại 1 nửa phần đồ nhậu, còn 01 nửa đem về nhà. Sau khi tắm xong, D quay lại quán bi da thì chỉ thấy C ở đây nên hỏi: “P và K đâu”, C trả lời: “P và K đem thịt chó và bia về nhà K nhậu rồi”. Sau đó, C và Điều D cùng nhau đi đến nhà K nhưng không thấy K và P nên D nói C điện thoại cho P, sau khi liên lạc được C đưa điện thoại cho D nói chuyện. Khi nói chuyện điện thoại với P, D văng tục chửi mẹ Phước, khi nghe D chửi, P bực tức nên điều khiển xe mô tô đi từ ấp Lò Ô, xã T quay về xã A để đi tìm D nói chuyện. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi P đi đến tiệm rửa xe của Điều L, tại ấp 3, xã A thì nhìn thấy D đang đứng trong tiệm của L nên đi lại hỏi D: “Sao mày chửi mẹ tao”, D trả lời: “Dao vớ cưa trên xe mày tao không sợ đâu” thì P dùng tay đâm vào mặt D 01 cái nhưng D né được và bị trượt chân té xuống mương phía sau. D đứng dậy dùng tay đâm lại P nhưng không trúng, P chạy lại xe lấy 01 con dao dài 48cm đi lại đứng đối diện chém D 01 cái D dùng tay trái gạt trượt tay vào cán dao của P nên không bị thương tích. Lúc này, do thấy đánh nhau nên L chạy lại can ngăn và lấy con dao từ tay P đem cất trong tiệm rửa xe. Khi được can ngăn D đi về, đi được khoảng 03m D quay mặt về sau và nói với P: “Thích thì chơi tay đôi”. Nghe vậy, P không nói gì, mà thò tay vào túi quần phải đang mặc trên người lấy điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen ném trúng vào mắt phải của D gây thương tích. Sau khi bị P gây thương tích, Điều D được người nhà đưa đi điều trị tại Bệnh viện mắt thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 230/2021/Tgt ngày 28/9/2021 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Phước kết luận Điều D bị thương tích sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mi dưới mắt phải kích thước 1 x 0,1cm gọn, mềm, lành tốt; thị lực mắt phải: 2/10, mắt trái: 10/10. Mắt phải đục thủy tinh thể do chấn thương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 19% (BL 70).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Điều P phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều P 01 (một năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2022 bị cáo Điều P có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm xác định và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình

sự không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Điều P, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Điều P được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận điều tra, với kết luận giám định pháp y về thương tích, bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Ngày 02/4/2021 sau khi đã uống rượu về thì giữa bị cáo P và D xảy ra cãi nhau. Bị cáo P dùng tay đâm vào mặt D 01 cái nhưng D tránh được, D dùng tay đâm lại bị cáo P nhưng không trúng, P chạy lại xe lấy 01 con dao dài 48cm đi lại đứng đối diện chém D 01 cái D dùng tay trái gạt trúng tay vào phần cán dao thì được L can ngăn. D quay lại nói “Thích thì chơi tay đôi” thì bị cáo P dùng điện thoại ném vào mặt của D gây thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể tại vùng mắt là 19%. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ gia đình ông nội bị cáo là Liệt sĩ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có nhiều con nhỏ, bị cáo là người trực tiếp chăm sóc bị bệnh nặng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được chấp nhận theo khoản 2 Điều 54 BLHS. Do vậy, chỉ có cơ sở xét giảm một phần hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối

với bị cáo được chấp nhận. Phần đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo không được chấp nhận

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Điều P;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Tuyên bố bị cáo Điều P phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Điều P không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện H; (2)
- Chi cục THADS huyện H; (1)
- Công an huyện H; (1)
- Bị cáo; (1)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- THCTP; Lưu. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hòa

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong

Bùi Văn Bình

Bùi Thanh Thảo